

YÊU CẦU HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

■ **ThS. DƯƠNG BẠCH LONG***

Với mục đích tạo lập, lưu giữ và cung cấp khi cần thiết các chứng cứ cho các bên liên quan, nhất là các cơ quan tư pháp nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động công chứng trong thời gian qua đã và đang khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong việc cung cấp dịch vụ công cho xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, việc ứng dụng các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong nền kinh tế - xã hội nói chung và trong hoạt động cung cấp dịch vụ công nói riêng là một trong những giải pháp căn cơ, cốt lõi. Từ đó, đặt ra các yêu cầu đối với việc đổi mới tổ chức và hoạt

động công chứng, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận dễ dàng khi có nhu cầu công chứng; đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Bài viết nghiên cứu làm rõ yêu cầu hoàn thiện pháp luật về công chứng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

1. Công chứng và hoạt động công chứng

Ở Việt Nam, chế định công chứng được củng cố, kiện toàn và phát triển kể từ khi Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước. Thời điểm đó, Phòng Công chứng Nhà nước là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên các công chứng viên là công chức và hưởng lương từ ngân sách. Mô hình

Phòng Công chứng Nhà nước vẫn tiếp tục được duy trì cho đến hiện nay¹ và là một trong hai loại tổ chức hành nghề công chứng.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49-NQ/TW) đã nêu rõ một trong những nhiệm vụ quan trọng trong cải cách tư pháp đó là: “Hoàn thiện chế định công chứng. Xác định rõ phạm vi của công chứng và chứng thực, giá trị pháp lý của văn bản công chứng. Xây dựng mô hình quản lý nhà nước về công chứng theo hướng Nhà nước chỉ tổ chức cơ quan công chứng thích hợp; có bước đi phù hợp để xã hội hóa công việc này”. Thể chế hóa tinh thần Nghị quyết số 49-NQ-TW, ngày 29/11/2006, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Công chứng². Với việc Luật Công chứng năm 2006 được ban hành, hoạt động công chứng dần được trở về đúng bản chất là hoạt động dịch vụ công, đồng thời là một nghề do công chứng viên (không nhất thiết là công chức,

viên chức) thực hiện, nhằm mang lại tính xác thực cho các hợp đồng, giao dịch, qua đó bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên giao kết, phòng ngừa tranh chấp, vi phạm pháp luật. Cùng với đó, cơ chế quản lý công chứng cũng được xác định một cách cụ thể hơn cho phù hợp với tình hình mới.

Năm 2014, trên cơ sở kế thừa nội dung quản lý nhà nước đối với công chứng trước đây, Luật Công chứng năm 2014³ quy định về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, việc hành nghề công chứng, thủ tục công chứng và quản lý nhà nước về công chứng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014 thì “công chứng” là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản

dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng. Chức năng xã hội của công chứng viên là cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Sau hơn 08 năm thi hành Luật Công chứng năm 2014⁴, có thể khẳng định, hoạt động công chứng đã có nhiều bước tiến mới, cụ thể như: (i) Đội ngũ công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng ở nước ta ngày càng phát triển (số lượng công chứng viên tăng khoảng gần 2,7 lần, số lượng tổ chức hành nghề công chứng tăng hơn 02 lần so với thời điểm Luật Công chứng năm 2014 bắt đầu có hiệu lực thi hành)⁵. Chất lượng đội ngũ công chứng viên ngày càng được nâng cao, quy mô, hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã

hội, người dân, doanh nghiệp; (ii) Các tổ chức hành nghề công chứng trên cả nước đã thực hiện hơn 41 triệu việc công chứng; tổng số phí công chứng thu được hơn 13 nghìn tỷ đồng; tổng số thù lao công chứng thu được hơn 02 nghìn tỷ đồng; tổng số tiền nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước hơn 2,3 nghìn tỷ đồng. Các việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở, bất động sản và tài sản quan trọng khác chiếm tỷ lệ từ 70 - 80% số việc công chứng và giá trị phí, thù lao công chứng, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch đối với những tài sản có giá trị lớn, đóng vai trò là phương tiện sản xuất cơ bản trong nền kinh tế. Việc công chứng các hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở còn góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tránh thất thoát nguồn thu thuế, giảm gánh nặng cho cơ quan tiến hành tố tụng thông qua việc giảm thiểu số lượng và quy mô tranh chấp

phát sinh từ việc thực hiện các giao dịch liên quan.

Theo Báo cáo số 197/BC-BTP ngày 09/8/2022 của Bộ Tư pháp về tổng kết thi hành Luật Công chứng (Báo cáo số 197/BC-BTP) thì Luật Công chứng năm 2014 được ban hành đã góp phần hoàn thiện thể chế, pháp luật về công chứng. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng vào thực tiễn cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục, cụ thể như: (i) Hoạt động công chứng ở Việt Nam còn có một số điểm chưa phù hợp, chưa bảo đảm điều kiện cần thiết để đáp ứng các yêu cầu đặt ra nhằm thực hiện công chứng nội dung; (ii) Chất lượng một số công chứng viên và người được giao làm nhiệm vụ công chứng còn chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, tính chuyên nghiệp chưa cao; (iii) Việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng còn chưa nhất quán, có phần lúng túng, không đồng đều, chưa gắn với địa bàn dân cư; (iv) Phạm vi các giao dịch công chứng bắt buộc còn có điểm chưa rõ, quy định ở nhiều văn bản

pháp luật khác nhau; (v) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tuy đã được thực hiện nhưng mới chỉ là bước đầu, chưa tương xứng với sự phát triển các nhu cầu giao dịch dân sự, kinh tế và sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong các lĩnh vực liên quan; (vi) Công tác quản lý nhà nước về công chứng có mặt còn chưa thực sự hiệu quả, kịp thời; có lúc, có nơi còn lúng túng⁶.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu đã được xác định là do một số quy định của pháp luật về công chứng nói chung và Luật Công chứng năm 2014 nói riêng, chưa thực sự phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử. Cụ thể: (i) Quy định của Luật Công chứng năm 2014 chưa thực sự xác định rõ bản chất, phạm vi thẩm quyền cũng như các trình tự, thủ tục công chứng để phát triển công chứng nước ta theo hướng công chứng nội dung; (ii) Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn hành

nghề, hoạt động hành nghề công chứng chưa phù hợp với đặc thù nghề nghiệp và yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động công chứng trong tình hình mới; (iii) Một số quy định về trình tự, thủ tục công chứng không còn phù hợp với thực tiễn, chưa tạo thuận lợi cho tổ chức hành nghề công chứng và người dân, doanh nghiệp; (iv) Còn thiếu quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và vai trò, trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

Bên cạnh đó, hoạt động công chứng liên quan đến quy định của nhiều luật chuyên ngành (Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), pháp luật về chứng thực...), trong đó, một số quy định chưa thống nhất, trùng lặp, gây vướng mắc trong cách hiểu và áp dụng.

2. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những thách thức đối với tổ chức, hoạt động công chứng

Hiện nay, thế giới và Việt Nam đang chứng kiến những sự thay đổi vượt bậc trong thời đại công nghệ số của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tầm ảnh hưởng sâu rộng của khoa học công nghệ đến đời sống con người. Những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động toàn diện và sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội ở các quốc gia. Bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chính là sự ứng dụng công nghệ, khoa học dữ liệu và sử dụng trí tuệ nhân tạo... phục vụ sản xuất và cuộc sống con người.

Với trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud computing), đám mây lưu trữ (Cloud), các ứng dụng công nghệ mới như chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa, Timestamps, Blockchain..., cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhiều điều kiện thuận

lợi, giúp con người khám phá nhiều tri thức mới, nâng cao quy mô và chất lượng nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức song hành với các thời cơ đòi hỏi người lao động, các nhà hoạch định chiến lược phải thay đổi cho phù hợp. Trong sự tác động ấy, dịch vụ công, đặc biệt là dịch vụ công chứng là một trong những lĩnh vực chịu sự tác động lớn. Việc triển khai công chứng trực tuyến (online) hay công chứng số, cùng với việc áp dụng các công nghệ thông tin đã và đang làm thay đổi cách thức, phương pháp sử dụng dịch vụ của tổ chức và công dân; đồng thời lại đặt ra những vấn đề mà các nhà quản lý phải cân nhắc để thay đổi phương pháp quản lý. Sự tác động này đòi hỏi các tổ chức hành nghề công chứng nói chung và cơ quan quản lý nhà nước về công chứng nói riêng cần thay đổi mục tiêu, nội dung, phương pháp cung cấp dịch vụ, cũng như cách thức, phương pháp quản lý. Các thách thức đó có thể là:

- Thách thức từ văn hóa/thói quen của người cung cấp/sử dụng dịch vụ: Đối với lĩnh vực công chứng, việc chuyển đổi số là cần thiết nhưng chuyển đổi số sẽ kéo theo những thay đổi đáng kể về văn hóa, về thói quen, từ cách thức giao tiếp đến quy trình thực hiện công việc, các công cụ thực thi và cả môi trường pháp lý cũng cần phải có sự điều chỉnh.

- Thách thức về bảo mật, an toàn dữ liệu và quyền riêng tư: Đây là vấn đề diễn ra trên toàn cầu mà bất cứ tổ chức nào khi chuyển đổi số đều phải đối mặt. Trong lĩnh vực công chứng, yếu tố bảo mật thông tin không chỉ được quan tâm khi tiến hành chuyển đổi số, mà được đặt ra ngay cả trong quy trình công chứng truyền thống. Luật Công chứng năm 2014 đã có các quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin công chứng của công chứng viên. Tuy nhiên, vấn đề bảo mật thông tin và quyền riêng tư phải được quan tâm hơn nữa khi thực hiện mô hình công chứng điện tử/công chứng số và xây dựng/vận hành

cơ sở dữ liệu điện tử công chứng thống nhất.

- Thách thức về hoàn thiện/đồng bộ hệ thống pháp luật: Thực tiễn hiện nay, các quy định có liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử... được quy định trong nhiều văn bản và ở nhiều cấp độ khác nhau; mặt khác, việc quy định về công chứng số/công chứng điện tử đang còn trống; cơ sở hạ tầng và cơ sở nền cho hoạt động này còn manh mún và xây dựng trên nhiều nền công nghệ khác nhau... Để mô hình công chứng điện tử/công chứng số đi vào thực tiễn thì việc sớm hoàn thiện thể chế pháp lý là một thách thức không nhỏ.

- Thách thức về nguồn nhân lực và đào tạo: Đây là thách thức đã, đang và sẽ đặt ra khi thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, cũng như khi triển khai thực hiện công chứng điện tử/công chứng số. Việc triển khai sẽ đặt ra những yêu cầu nhất định về năng lực của con người

trong tổ chức hành nghề công chứng (xây dựng và vận hành hệ thống của công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ và các đối tượng làm công tác cung cấp dịch vụ công chứng); năng lực sử dụng dịch vụ công chứng trên nền tảng kỹ thuật số của mỗi người dân.

Từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, rà soát lại các quy định của pháp luật công chứng, có thể thấy, Luật Công chứng năm 2014 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn. Ngoài các điểm còn hạn chế, chưa phù hợp như đã nêu trong Báo cáo số 197/BC-BTP thì việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động công chứng còn chưa tương xứng với nhu cầu của sự phát triển giao dịch dân sự, kinh tế và sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong các lĩnh vực liên quan. Cụ thể như: (i) Pháp luật hiện hành chưa có cơ chế cho phép thử

nghiệm áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng; (ii) Thiếu hành lang pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng như quy định cho phép tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng từ xa thông qua thư điện tử, tin nhắn, website hoặc các phần mềm chuyên dụng; quy định công nhận giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử; quy định về hồ sơ công chứng điện tử và lưu trữ điện tử; cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng...; (iii) Pháp luật hiện hành chưa định ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật... cho việc áp dụng công chứng số/công chứng trực tuyến; (iv) Thiếu hành lang pháp lý cho việc chia sẻ dữ liệu, kết nối các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương với các tổ chức hành nghề công chứng và ngược lại.

3. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật công chứng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia năm 2025, định hướng đến năm 2030”, ngày 10/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 983/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch “Chuyển đổi số ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan tư pháp địa phương triển khai chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình. Theo đó, Bộ Tư pháp đề ra một số mục tiêu cơ bản đến năm 2025 là: 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% cơ sở dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử ngành Tư pháp được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc, bao gồm Cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự. Đến năm 2030, mục tiêu cơ bản của Bộ Tư pháp là 100% dịch vụ công trực

tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Trong lĩnh vực công chứng, ngày 19/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 172/NQ-CP về chính sách phát triển nghề công chứng (Nghị quyết số 172/NQ-CP) nhằm phát triển nghề công chứng ổn định, bền vững, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa tranh chấp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức. Từ đó, đổi mới hoạt động công chứng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cải cách tư pháp, đưa hoạt động công chứng Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới. Trong đó, Nghị quyết số 172/NQ-CP đã đề ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như: (i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để tạo điều kiện cho

hoạt động công chứng phát triển ổn định, bền vững; (ii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Chính phủ điện tử và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (iii) Phát triển tổ chức hành nghề công chứng bảo đảm ổn định, bền vững gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội theo địa bàn cấp huyện; (iv) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng, phát huy vai trò của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về công chứng

Từ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như định hướng xây dựng Chính phủ số, chính quyền số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động công chứng, trong thời gian tới, pháp luật về công chứng cần được tiếp tục hoàn thiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, bổ sung khái niệm

“công chứng điện tử” và một số nguyên tắc chung.

- Về khái niệm, “công chứng điện tử” là quá trình sử dụng công nghệ điện tử để tiến hành một phần hay toàn bộ quá trình công chứng thông qua các phương tiện điện tử. Việc quy định chính thức khái niệm này sẽ bao quát được tất cả hành vi của các chủ thể khi đã tự nguyện tham gia dịch vụ công chứng điện tử; đồng thời cũng khuyến khích được các tổ chức hành nghề từng bước đầu tư, áp dụng công nghệ vào tổ chức và hoạt động của mình, phù hợp với chủ trương số hóa và thực hiện dịch vụ công trực tuyến của Đảng và Chính phủ.

- Nghiên cứu bổ sung nguyên tắc về các nội dung có liên quan trực tiếp đến hoạt động công chứng điện tử làm cơ sở để Chính phủ quy định chi tiết và Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện luật sau này, như: (i) Nguyên tắc bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy trong việc nộp hồ sơ trực tuyến; (ii) Nguyên tắc về kiểm tra trực tuyến nhân thân của người/tổ

chức có nhu cầu công chứng; kiểm tra trực tuyến năng lực hành vi dân sự của cá nhân, năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân; (iii) Nguyên tắc về kiểm tra trực tuyến tính hợp pháp của các tài liệu, văn bản được yêu cầu công chứng; (iv) Nguyên tắc ký kết trực tuyến các thỏa thuận dân sự của các cá nhân, tổ chức tham gia yêu cầu công chứng trực tuyến.

Thứ hai, quy định điều kiện để thực hiện công chứng điện tử.

- Định danh số hóa: Công chứng viên cần có một hình thức định danh số hóa, thường là chữ ký điện tử. Chữ ký điện tử này thường được cung cấp bởi các nhà cung cấp chữ ký số uy tín.

- Mạng internet: Cần có kết nối internet ổn định, đủ băng thông để thực hiện việc truy cập vào hệ thống công chứng trực tuyến và gửi/nhận tài liệu thông qua mạng.

- Thiết bị điện tử: Người sử dụng cần có thiết bị điện tử, như máy tính cá nhân, laptop, điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng, có khả năng truy cập internet và thực hiện các thao

tác liên quan đến công chứng trực tuyến.

- Phần mềm công chứng: Cần có một phần mềm hoặc ứng dụng công chứng trực tuyến từ nhà cung cấp dịch vụ. Phần mềm/app này thường sẽ hỗ trợ người sử dụng thực hiện các bước xác thực và chứng thực tài liệu trực tuyến.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị... để thực hiện quá trình công chứng.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện các quy định về xác thực danh tính trực tuyến.

Khách hàng có thể xác thực danh tính trực tuyến bằng cách cung cấp thông tin cá nhân và tải lên các tài liệu cần thiết như chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước, giấy tờ công việc, hợp đồng... Quá trình này có thể được thực hiện thông qua các hệ thống xác thực an toàn. Ngày 25/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử (Nghị định số 69/2024/NĐ-CP) thay thế cho Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện

tử để phù hợp với quy định của Luật Căn cước năm 2023 và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chương VI Nghị định số 69/2024/NĐ-CP đã xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (gồm 09 điều, từ Điều 31 đến Điều 39), trong đó quy định về trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử; bên sử dụng dịch vụ; tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản; trách nhiệm của Bộ Công an; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về công chứng để tích hợp dịch vụ xác thực điện tử là thuận tiện, nhanh chóng và tin cậy.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện các quy định về ký điện tử.

Luật Giao dịch điện tử năm 2023⁷ quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện

tử và áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giao dịch điện tử hoặc có liên quan đến giao dịch điện tử. Vì vậy, khi thực hiện công chứng điện tử, khách hàng có thể sử dụng chữ ký điện tử và công nghệ chứng thực để ký các tài liệu hoặc hợp đồng trực tuyến. Chữ ký điện tử có thể được tạo ra và đính kèm vào tài liệu bằng cách sử dụng công nghệ mã hóa và chứng thực.

Thứ năm, hoàn thiện các quy định về gửi và nhận tài liệu trực tuyến trong hoạt động công chứng.

Việc sử dụng công nghệ thông tin giúp khách hàng có thể tải lên tài liệu cần công chứng và gửi chúng đến cơ quan công chứng trực tuyến. Sau khi tài liệu được công chứng, khách hàng có thể nhận lại tài liệu đã công chứng qua hình thức trực tuyến.

Thứ sáu, hoàn thiện các quy định về thanh toán trực tuyến khi thực hiện hoạt động công chứng.

Các dịch vụ công chứng trực tuyến thường được tích hợp một trong các hình thức thanh toán

trực tuyến an toàn như sử dụng thẻ ngân hàng, ví điện tử hoặc chuyển khoản trực tuyến.

Thứ bảy, hoàn thiện các quy định về tra cứu và lưu trữ tài liệu.

Dịch vụ công chứng trực tuyến thường cung cấp khả năng tra cứu và lưu trữ tài liệu trực tuyến. Khách hàng có thể truy cập vào các tài liệu đã công chứng của mình từ bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử.

Thứ tám, hoàn thiện, bổ sung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục công chứng toàn trình và một phần để các tổ chức hành nghề và công dân, tổ chức lựa chọn áp dụng đối với các giao dịch đơn giản, rõ ràng.

Việc bổ sung các quy định của pháp luật về các bước, các công đoạn của công chứng điện tử có thể gồm các bước sau: (i) Người yêu cầu công chứng đăng ký tài khoản; (ii) Người yêu cầu công chứng đăng nhập tài khoản và xác thực thành công; (iii) Người yêu cầu công chứng nộp hồ sơ công chứng trên môi trường điện

Hoàn thiện pháp luật về công chứng

tử; kê khai các thông tin về họ tên, địa chỉ, yêu cầu công chứng, giấy tờ nộp cho tổ chức hành nghề công chứng vào Phiếu yêu cầu công chứng; ký chữ ký số vào Phiếu yêu cầu công chứng; (iv) Tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận, hướng dẫn việc công chứng trên môi trường điện tử; (v) Người yêu cầu công chứng thực hiện việc ký số vào văn bản công chứng trước sự chứng kiến từ xa của công chứng viên thông

qua nền tảng công chứng điện tử trực tuyến; (vi) Công chứng viên kiểm tra hồ sơ, nếu thấy hồ sơ hợp lệ, các yêu cầu khác bảo đảm thì nhập lời chứng giao dịch và thực hiện ký số của công chứng viên và cập nhật vào sổ công chứng hợp đồng, giao dịch; (vii) Thực hiện việc thanh toán phí công chứng, thù lao công chứng và trả văn bản công chứng trên môi trường điện tử; (viii) Lưu trữ hồ sơ công chứng điện tử □

1. Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Luật Công chứng năm 2006 và Luật Công chứng năm 2014.

2. Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

3. Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20/6/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

4. Theo Tờ trình Dự án Luật Công chứng (sửa đổi) số 76/TTr-CP ngày 01/3/2024 của Chính phủ.

5. Thời điểm thực hiện Luật Công chứng năm 2006, cả nước có 1.180 công chứng viên, 625 tổ chức hành nghề công chứng. Sau hơn 08 năm thực hiện Luật Công chứng năm 2014, cả nước có 3.220 công chứng viên, 1.298 tổ chức hành nghề công chứng.

6. Chưa xác định được sự cần thiết, thẩm quyền, hình thức của việc ban hành Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng, việc phối hợp quản lý nhà nước về công chứng của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

7. Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22/6/2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.